

PHỤ LỤC SỐ 02: BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC THẨM ĐỊNH DỰ ÁN, THIẾT KẾ VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG

(Kèm theo Văn bản số **2.790**./SXĐ-QLXD ngày **4.5**./12/2020 của Sở Xây dựng)

Loại nguồn vốn: Ngân sách nhà nước

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án				Thiết kế cơ sở		Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)							
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)		Tỷ lệ %	
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)						Tỷ lệ %	Trước thẩm định		Sau thẩm định
Sở Xây dựng	2		29.458	28.600	-858	2,91		32	21		478.848,5	470.567,9	-8.280,7	1,73
Sở Giao thông vận tải	6		474.592,3	472.662,1	-1.930,2	0,41	1,0	7			559.951,9	546.025,1	-13.926,9	2,49
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	12,0		1.056.349,0	1.013.621,0	-42.728,0	4,04	12	7	11		252.869,7	252.344,2	-525,5	0,21
Sở Công thương							5		56		123.213,0	117.724,0	-5.489,0	4,45
UBND TP Phú Lý									131		737.703,1	696.832,5	-40.870,7	5,54
UBND huyện Kim Bảng									12		98.047,5	97.132,9	-914,5	0,93
UBND huyện Thanh Liêm									23		116.394,0	114.642,0	-1.752,0	1,51
UBND huyện Lý Nhân									32		213.138,8	207.533,2	-5.605,6	2,63
UBND huyện Bình Lục									28		168.636,0	164.130,0	-4.506,0	2,67
UBND thị xã Duy Tiên									56		289.332,0	284.963,0	-4.369,0	1,51
Tổng cộng, TB	22,0	-	1.589.857,3	1.543.483,1	-46.374,2	2,92	1,0	78,0	391,0	-	3.516.983,1	3.422.462,6	-94.520,5	2,69

Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án										Thiết kế cơ sở				Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)			
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)				Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số TKCS thẩm định	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)			Tỷ lệ %			
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)	Tỷ lệ %						Trước thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)				
																Tổng số TKCS thẩm định	Tổng số TKCS phải sửa đổi	Trước thẩm định
Sở Xây dựng	31		2.991.076	2.866.204	-124.872	4,17	9	43			1.699.194	1.567.918	-131.276	7,73				
Sở Giao thông vận tải																		
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn								1	4		111.228,0	105.690,0	-5.538,0	4,98				
Sở Công thương							25	11	23		251.289,0	240.780,0	-10.509,0	4,18				
UBND TP Phủ Lý																		
UBND huyện Kim Bảng																		
UBND huyện Thanh Liêm																		
UBND huyện Lý Nhân																		
UBND huyện Bình Lục																		
UBND thị xã Duy Tiên																		
Tổng cộng, TB	62,0	-	5.982.152,3	5.732.408,8	-249.743,5	4,17	43,0	98,0	27,0	-	3.760.904,8	3.482.306,0	-278.598,8	7,41				

Số quản lý công trình xây dựng chuyên ngành	Dự án				Thiết kế cơ sở				Thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở, dự toán xây dựng (gồm Báo cáo kinh tế - kỹ thuật)				
	Tổng số dự án thẩm định	Số dự án phải sửa đổi	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)			Tổng số TKCS thẩm định	Số TKCS phải sửa đổi	Tổng số thiết kế XD đã thẩm định	Tổng số BCKT-KT đã thẩm định	Số phải sửa đổi	Giá trị dự toán xây dựng công trình (triệu đồng)		
			Trình thẩm định	Sau thẩm định	Tăng/giảm (+/-)						Tỷ lệ %	Trước thẩm định	Sau thẩm định
Sở Xây dựng					68		24			Không thẩm định dự toán			
Sở Giao thông vận tải													
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn													
Sở Công thương							42			Không thẩm định dự toán			
UBND TP Phủ Lý													
UBND huyện Kim Bảng													
UBND huyện Thanh Liêm													
UBND huyện Lý Nhân													
UBND huyện Bình Lục													
UBND thị xã Duy Tiên													
Ban Quản lý KCN tỉnh					70					Không thẩm định dự toán			